|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

*(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTQD, ngày tháng năm 2022)*

**1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Tên học phần (tiếng Việt):*** | **Kinh tế vĩ mô 1** |
| ***- Tên học phần (tiếng Anh)*** | **Principles of Macroeconomics** |
| ***- Mã số học phần*** | **KHMA1101** |
| ***- Thuộc khối kiến thức*** | **Đại cương** |
| ***- Số tín chỉ*** | **3 tín chỉ** (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ) |
| ***+ Số tiết lý thuyết*** | **30** |
| ***+ Số tiết thảo luận/thực hành***  ***+ Số tiết tự học*** | **15**  ***90*** |
| ***- Các học phần tiên quyết:*** | **Không** |

**2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY**

Bộ môn quản lý: Kinh tế Vĩ mô

Địa chỉ: Phòng 805 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

1. Nguyễn Văn Công
2. Nguyễn Hoàng Oanh
3. Nguyễn Việt Hùng
4. Hà Quỳnh Hoa
5. Đinh Mai Hương
6. Phạm Thế Anh
7. Nguyễn Việt Hưng
8. Lê Mai Hương
9. Vũ Thanh Huyền
10. Trần Thị Lan Hương
11. Nguyễn Ngọc Đính
12. Lưu Thị Phương
13. Phạm Thị Ngọc Quỳnh
14. Trần Thúy Hằng

**3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)**

Học phần này giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại. Ngoài ra, sinh viên cũng được tiếp cận với những mô hình đơn giản nhất giải thích sự biến động và vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô trong việc ổn định nền kinh tế.

**4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)**

**Giáo trình**

[1] Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012;

[2] Gregory Mankiw (2014). Kinh tế học Vĩ mô. Bản dịch của NXB Hồng Đức;

**Tài liệu khác**

[3] N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, CENGAGE Learning, 9th Ed. 2020.

[4] Phạm Thế Anh (2019), Bài tập thực hành: Các nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)**

**Bảng 5.1. Mục tiêu học phần**

Mục tiêu chính của học phần nhằm giúp sinh viên làm quen với các khái niệm và nguyên lý cơ bản về hoạt động của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên cũng sẽ được trang bị công cụ để mô tả và giải thích các vấn đề trên. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng tự học tập và nghiên cứu để chuẩn bị cho những bậc học cao hơn.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** | **Mức độ năng lực** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | **Kiến thức**: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên giải thích và phân tích được mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản; hiểu và đánh giá được tác động của các thay đổi chính sách kinh tế vĩ mô cũng như các cú sốc đối với nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn. | 1.1.2 1.2.2 1.2.3 | III |
| G2 | **Kỹ năng**: Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng các mô hình vào lập luận, phân tích và giải thích các vấn đề liên quan đến những nguyên lý kinh tế vĩ mô. | 2.1.1 | III |
| G3 | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm**: SV tôn trọng nội quy lớp học, đi học đầy đủ đúng giờ; chuẩn bị bài khi đến lớp, tham gia tích cực trong giờ học; có khả năng tự học và tự nghiên cứu bài học. | 3.1.1 | III |

**6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)**

**Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần** | **Mã CĐR học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Liên kết với CĐR của CTĐT** | **Mức độ năng lực** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** |
|  | **LO.1** | **Chuẩn kiến thức** |  |  |
| G1 | LO.1.1 | Sinh viên giải thích được chính xác mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản. | 1.1.2 | III |
| LO.1.2 | Vận dụng được các mô hình lý thuyết vào giải thích và đánh giá các tác động của các thay đổi chính sách kinh tế vĩ mô cũng như các cú sốc đối với nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn | 1.2.2 | III |
| LO.1.3 | Vận dụng các lý thuyết, mô hình kinh tế cơ bản để phân tích và giải thích các vấn đề thời sự về tình hình kinh tế - xã hội mà Việt Nam và các nước trên thế giới đã và đang trải qua. | 1.2.3 | III |
|  | **LO.2** | **Chuẩn kỹ năng** |  |  |
|  | LO.2.1 | Sinh viên sẽ có kỹ năng ứng dụng mô hình lý thuyết vào nhận diện, giải thích và đánh giá được các vấn đề liên quan đến đến các tình huống trong thực tế và giả định. | 2.1.1 | III |
| G3 | **LO.3** | **Năng lực tự chủ & trách nhiệm** |  |  |
| LO.3.1 | Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và bài tập được giao. | 3.1.1 | III |
| LO.3.2 | Có ý thức tổ chức kỷ luật lớp học, tuân thủ các nội quy lớp học, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động được GV giao. | 3.1.2 | III |

**7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)**

**Bảng 7.1. Đánh giá học phần**

| **Hình thức đánh giá** | **Nội dung/  Bài đánh giá** | **Thời điểm** | **CLOs** | **Công cụ và tiêu chí  đánh giá** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** | **[6]** |
| Chuyên cần | Tham dự các giờ giảng  Thái độ học tập trên lớp  Trả lời câu hỏi trên lớp  Trả lời các câu hỏi thảo luận | Tuần 1-15 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.2 | Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác ; (iii) Chất lượng câu trả lời | 10% |
| Đánh giá quá trình (Các bài kiểm tra) | Bài kiểm tra 1 (15%) | Tuần 8 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | Các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian nộp; (iv) Mức độ hợp tác | 30% |
| Bài kiểm tra 2 (15%) | Tuần 14 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.2 | Tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức; (iii) Thời gian nộp; (iv) Mức độ hợp tác |
| Đánh giá cuối kỳ | Bài thi cuối kỳ  (Trắc nghiệm trên máy). | Lịch thi học phần | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.2 | Theo yêu cầu bài thi   * Ghi nhớ các khái niệm cơ bản * Có khả năng suy luận, phân tích, đánh giá | 60% |

**8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)**

**Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy**

| **Tuần** | **Nội dung giảng dạy\*** | **Tài liệu đọc** | **CLOs** | **Hoạt động dạy và học** | **Công cụ  đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** | **[6]** |
| 1 | Chương 1: Tổng quan về kinh tế học   1. Mười nguyên lý kinh tế 2. Suy luận như một nhà kinh tế | Đề cương học phần;  [1]: C1;  [2]&[3]: C1, 2;  [4]: C1 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO3.1  CLO3.2 | * Giới thiệu HP, đề cương chi tiết; * Giảng dạy và thảo luận; | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 2 | Chương 2: Đo lường thu nhập quốc dân   1. Đo lường GDP 2. Các thành phần của GDP 3. GDP thực và danh nghĩa 4. GDP và phúc lợi kinh tế | [1]: C14;  [2]&[3]: C23;  [4]: C2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Giảng dạy và thảo luận; | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 3 | Chương 3: Đo lường chi phí sinh hoạt   1. Chỉ số giá tiêu dùng 2. Hiệu chỉnh các biến số kinh tế theo lạm phát | [1]: C14;  [2]&[3]: C24;  [4]: C3 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Giảng dạy và thảo luận; | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 4 | Chương 4: Sản xuất và Tăng trưởng   1. Tăng trưởng kinh tế trên thế giới 2. Năng suất : Vai trò và các nhân tố quyết định nó 3. Tăng trưởng kinh tế và chính sách công | [1]: C15;  [2]&[3]: C25;  [4]: C4 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Giảng dạy và thảo luận; | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 5 | Chương 5: Tiết kiệm, Đầu tư và Hệ thống Tài chính   1. Các định chế tài chính 2. Tiết kiệm và đầu tư 3. Thị trường vốn | [1]: C16;  [2]&[3]: C26;  [4]: C5 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Giảng dạy và thảo luận; | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 6 | Chương 6: Thất nghiệp   1. Xác định và đo lường thất nghiệp 2. Quá trình tìm việc và thất nghiệp tạm thời 3. Luật về tiền lương tối thiểu 4. Công đoàn và đàm phán tập thể 5. Lý thuyết tiền lương hiệu quả | [1]: C17;  [2]&[3]: C28;  [4]: C6 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Giảng dạy và thảo luận; | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 7 | Chương 7: Tiền tệ và chính sách tiền tệ   1. Khái niệm về tiền 2. Ngân hàng trung ương 3. Hệ thống ngân hàng và cung tiền 4. Các công cụ của chính sách tiền tệ | [1]: C20;  [2]&[3]: C29;  [4]: C7 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Giảng dạy và thảo luận; | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 8 | **Bài kiểm tra 1** |  | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Ôn tập * Sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 9 | Chương 8: Tiền tệ và Lạm phát   1. Lý thuyết cổ điển về lạm phát 2. Chi phí của lạm phát | [1]: C22;  [2]&[3]: C30;  [4]: C8 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Giảng dạy và thảo luận; | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 10 | Chương 9: Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở   1. Dòng chu chuyển hàng hóa và vốn quốc tế 2. Tỷ giá hối đoái thực và danh nghĩa 3. Lý thuyết ngang bằng sức mua | [1]: C27;  [2]&[3]: C31;  [4]: C9 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Giảng dạy và thảo luận; | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 11-12 | Chương 10: Tổng cầu và Tổng cung   1. Giới thiệu về sự biến động trong ngắn hạn 2. Mô hình tổng cầu tổng cung 3. Các nguyên nhân gây ra sự biến động trong ngắn hạn 4. Tác động của chính sách tiền tệ 5. Tác động của chính sách tài khóa | [1]: C18;  [2]&[3]: C33, 34;  [4]: C10 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Giảng dạy và thảo luận; | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 13 | **Bài kiểm tra 2** |  | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Ôn tập * Sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 14 | Chương 11: Sự đánh đổi trong ngắn hạn giữa lạm phát và thất nghiệp   1. Đường Phillips 2. Sự dịch chuyển của đường Phillips 3. Chi phí cắt giảm lạm phát | [1]: C18, 22;  [2]&[3]: C35;  [4]: C11 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Giảng dạy và thảo luận; | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 15 | Chương 12: Một số tranh luận về chính sách kinh tế vĩ mô   1. Có nên sử dụng chính sách tài khóa và tiền tệ để bình ổn nền kinh tế ? 2. Chính phủ nên tăng chi tiêu hay giảm thuế để chống lại suy thoái ? 3. Chính sách tiền tệ nên tùy nghi hay theo quy tắc ? | [1]: C23;  [2]&[3]: C36;  [4]: C12 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | * Thảo luận/chữa bài tập chương trước * Hướng dẫn tự đọc; * Ôn tập; | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| - | **Bài thi cuối kỳ** |  | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.2 | Sinh viên làm bài thi theo lịch | Theo yêu cầu bài thi/kiểu đề thi |

**9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)**

**9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần**

* Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần là điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

**9.2. Quy định về tham dự lớp học**

* Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt không có lý do chính đáng sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
* Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm rèn luyện, điểm kiểm tra.
* Sinh viên không hoàn thành bài tập cuối mỗi chương sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập của chương đó và được bị trừ 1 điểm vào điểm rèn luyện.

**9.3. Quy định về hành vi lớp học**

* Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
* Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
* Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
* Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc, ngủ trong giờ học.
* Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **PGS.TS Phạm Thế Anh** | **TRƯỞNG KHOA**  **PGS.TS Hồ Đình Bảo** | **HIỆU TRƯỞNG**  **PGS.TS Phạm Hồng Chương** |